

SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI
BỆNH VIỆN NHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 91 /QĐ-BVN

Gia Lai, ngày 14 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước Quý 1 năm 2020 của Bệnh viện Nhi tỉnh Gia Lai

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1166/QĐ-SYT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Sở Y tế về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-SYT ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Sở Y tế về việc giao dự toán bổ sung ngân sách nhà nước năm 2020;

Xét đề nghị của phòng Tài chính - Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước Quý 1 năm 2020 của Bệnh viện Nhi tỉnh Gia Lai (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Tổ chức - Hành chính Quản trị, phòng Tài chính - Kế toán và các khoa phòng liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Sở Y tế;
- Lưu : VT, TC-KT.



GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Từ Thị Mai Linh

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 1 NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 91 /QĐ-BVN Ngày 14 / 4 / 2020 của Bệnh viện Nhi tỉnh Gia Lai)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý 1 năm 2020	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí	52.663,200	10.987,158	20,86%	
1.1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
1.2	Viện phí	50.695,200	10.311,182	41,38%	0,00%
	Viện phí trực tiếp	4.500,000	950,001	21,11%	
	BHYT	46.195,200	9.361,181	20,26%	
1.3	Thu khác	1.968,000	675,976	34,35%	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	52.466,400	9.469,846	100,00%	0,00%
2.1	Chi sự nghiệp.....	52.466,400	9.469,846	18,05%	0,00%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	52.466,400	9.469,846	18,05%	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	196,800	41,341	21,01%	0,00%
3.1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
3.2	Viện phí				
	Viện phí trực tiếp				
	BHYT				
3.3	Thu khác	196,800	41,341	21,01%	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.867,200	27,200	0,40%	0,00%
1	Chi quản lý hành chính	0,000	0,000		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				



Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý 1 năm 2020	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	6.867,200	27,200	0,40%	0,00%
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường	6.867,200	27,200	0,40%	
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
2	Chi Chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)				

KẾ TOÁN

Gia Lai, ngày 14 tháng 4 năm 2020

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

PHÓ GIÁM ĐỐC



Từ Thị Mai Linh